

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH HẬU GIANG**

Số: 01/NQ-HĐND

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Hậu Giang, ngày 29 tháng 3 năm 2024

NGHỊ QUYẾT

**Điều chỉnh, bổ sung Nghị quyết số 35/NQ-HĐND
ngày 09 tháng 12 năm 2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh (lần 7)**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH HẬU GIANG
KHÓA X KỲ HỌP THỨ 19**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

*Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và
Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 13 tháng 6 năm 2019;

*Căn cứ Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06 tháng 4 năm 2020 của
Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công;*

*Xét Tờ trình số 27/TTr-UBND ngày 15 tháng 3 năm 2024 của Ủy ban
nhân dân tỉnh Hậu Giang về dự thảo Nghị quyết điều chỉnh, bổ sung Nghị quyết
số 35/NQ-HĐND ngày 09 tháng 12 năm 2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh (lần 7);
Báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến
thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.*

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Hội đồng nhân dân tỉnh Hậu Giang thống nhất điều chỉnh, bổ sung Nghị quyết số 35/NQ-HĐND ngày 09 tháng 12 năm 2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh (lần 7), với số vốn 3.164.026 triệu đồng.

(Chi tiết theo Phụ lục số I, II đính kèm)

Điều 2. Hội đồng nhân dân tỉnh giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức thực hiện Nghị quyết theo quy định pháp luật.

Điều 3. Hội đồng nhân dân tỉnh giao Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban Hội đồng nhân dân, Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Hậu Giang Khóa X Kỳ họp thứ 19 thông qua và có hiệu lực từ ngày 29 tháng 3 năm 2024./

Nơi nhận:

- Văn phòng Quốc hội;
- Văn phòng Chính phủ;
- Cục Quản trị II; Cục Hành chính - Quản trị II;
- Bộ Kế hoạch và Đầu tư;
- Bộ Tài chính;
- TT: TU, HĐND, UBND tỉnh;
- Đại biểu Quốc hội tỉnh; đại biểu HĐND tỉnh;
- Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh;
- UBMTTQVN và các đoàn thể tỉnh;
- Sở, ban, ngành tỉnh;
- HĐND, UBND, UBMTTQVN cấp huyện;
- Cơ quan Báo, Đài tỉnh;
- Công thông tin điện tử tỉnh;
- Lưu: VT.KX. *7/2*



CHỦ TỊCH

Trần Văn Huyền



Phụ lục số I

ĐIỀU CHỈNH, BỔ SUNG KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG TRUNG HẠN 5 NĂM GIAI ĐOẠN 2021 - 2025 VỐN NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG

(Kèm theo Nghị quyết số: 01/NQ-HĐND ngày 29 tháng 3 năm 2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh Hậu Giang)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Danh mục dự án	Thời gian KC-HT	Kế hoạch vốn đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025 đã giao											Kế hoạch vốn đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025 sau điều chỉnh, bổ sung								Giảm	Tăng	Ghi chú		
			Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSDP	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó:								Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó:										
							Cán đối ngân sách	Tiền sử dụng đất	Xả số kiến thiết	Thu vượt tiến sử dụng đất năm 2020	Thu vượt tiến sử dụng đất năm 2021	Thu vượt tiến sử dụng đất năm 2022	Thu vượt tiến sử dụng đất năm 2023	Cán đối ngân sách		Tiền sử dụng đất	Xả số kiến thiết	Thu vượt tiến sử dụng đất năm 2020	Thu vượt tiến sử dụng đất năm 2021	Thu vượt tiến sử dụng đất năm 2022	Thu vượt tiến sử dụng đất năm 2023					
	TỔNG SỐ			3.779.238	2.913.827	1.558.638	415.868	134.124	716.646	50.000	20.000	215.000	7.000	3.826.995	415.868	1.584.124	1.535.003	50.000	20.000	215.000	7.000	889.669	3.158.026			
A	Trích đo đạc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất					-								145.000		145.000							145.000			
B	Dự phòng 10%				884.460	315.496	25.000	543.964						-								884.460				
C	Chuyển đổi số các sở, ngành tỉnh				13.499	13.499								11.499	11.499							2.000				
D	Vốn chưa phân bổ chi tiết				-									844.797	41.829	328.381	474.587						844.797			
Đ	Vốn đối ứng các dự án xã hội hóa và các dự án phi Chính phủ nước ngoài (NGO)					15.752	1.070		14.682					12.543	1.070		11.473					3.209				
E	Phân bổ vốn chi tiết			3.772.014	2.910.618	644.927	85.803	109.124	158.000	50.000	20.000	215.000	7.000	2.809.947	361.470	1.110.743	1.045.734	50.000	20.000	215.000	7.000	-	2.165.020			
a	Bổ sung vốn điều lệ cho Quỹ Phát triển đất tỉnh					285.000				50.000	20.000	215.000		351.640		66.640		50.000	20.000	215.000			66.640			
b	Bổ sung nguồn vốn ủy thác qua Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh để cho vay hỗ trợ người lao động đi làm việc có thời hạn ở nước ngoài theo hợp đồng theo quy định tại Nghị quyết số 23/2020/NQ-HĐND ngày 04/12/2020 của HĐND tỉnh			-		30.000			30.000					52.875			52.875						22.875			
c	Bổ sung nguồn vốn ủy thác qua Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh để cho vay hỗ trợ vốn sản xuất đối với hộ gia đình người có công với cách mạng theo Nghị quyết số 30/2017/NQ-HĐND ngày 05/4/2017 của HĐND tỉnh			-		17.000			10.000			7.000	69.659				62.659			7.000			52.659			
d	Bổ sung nguồn vốn ủy thác qua Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh để cho vay đối với người chấp hành xong án tù theo Quyết định số 22/2023/QĐ-TTg ngày 17/8/2023 của Thủ tướng Chính phủ			-		-								5.000			5.000						5.000			
d	Đổi ứng thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới cho các đơn vị, địa phương			130.000	130.000	-								130.000			130.000						130.000			
e	Vốn thực hiện dự án			3.642.014	2.780.618	312.927	85.803	109.124	118.000		-	-	2.200.773	361.470	1.044.103	795.200		-	-	-	-	-	1.887.846			
*	Tính quản lý			2.846.014	1.984.618	312.927	85.803	109.124	118.000	-	-	-	-	1.404.773	193.470	707.103	504.200	-	-	-	-	-	1.091.846			
I	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình dân dụng và công nghiệp tỉnh			1.761.372	939.976	-	-	-	-			-	700.000	105.800	300.000	294.200		-	-	-	-	700.000				
1	Dự án Phát triển đô thị xanh thích ứng với biến đổi khí hậu thành phố Ngã Bảy, tỉnh Hậu Giang	2023-2026	10/NQ-HĐND, 25/4/2023; 1933/QĐ-UBND, 09/11/2023	1.211.372	389.976	-								150.000	5.800	100.000	44.200						150.000			
2	Xây dựng Khu Công nghệ số tỉnh Hậu Giang	2024-2027	09/NQ-HĐND, 29/3/2024	50.000	50.000	-								50.000			50.000						50.000			
3	Khu tái định cư Đồng Phú 3	2024 - 2027	12/NQ-HĐND, 29/3/2024	500.000	500.000	-								500.000	100.000	200.000	200.000						500.000			
II	Công ty Phát triển hạ tầng khu công nghiệp Hậu Giang			822.276	822.276	243.124	16.000	109.124	118.000			-	482.407	16.000	268.407	198.000		-	-	-	-	239.283				
1	Xây dựng kết cấu hạ tầng Khu công nghiệp Tân Phú Thành - giai đoạn 1, huyện Châu Thành A	2010-2023	1736/QĐ-UBND, 19/8/2010	742.276	742.276	243.124	16.000	109.124	118.000					402.407	16.000	268.407	118.000						159.283			
2	Trạm xử lý nước thải Khu công nghiệp Sông Hậu (Trạm 2)	2024-2027	07/NQ-HĐND, 29/3/2024	80.000	80.000	-								80.000			80.000						80.000			
III	Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh			199.466	199.466	69.803	69.803	-	-			-	199.466	69.670	129.796	-		-	-	-	-	129.663				
1	Cần cử hậu phương 2/Bộ CHQS tỉnh Hậu Giang/Quân khu 9	2023 - 2026	01/NQ-HĐND, 04/7/2022	199.466	199.466	69.803	69.803							199.466	69.670	129.796							129.663			
IV	Trường Chính trị tỉnh			12.000	12.000	-	-	-	-			-	12.000	-	-	12.000				-	-	12.000				
1	Thiết bị Trường Chính trị tỉnh	2024 - 2026	398/QĐ-UBND, 25/3/2024	12.000	12.000	-								12.000			12.000						12.000			

STT	Danh mục dự án	Thời gian KC-HT	Quyết định chủ trương đầu tư/Quyết định đầu tư dự án		Kế hoạch vốn đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025 đã giao								Kế hoạch vốn đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025 sau điều chỉnh, bổ sung								Giảm	Tăng	Ghi chú	
			Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMBT		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó:							Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó:									
				Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSDP		Cán đối ngân sách	Tiền sử dụng đất	Xổ số kiến thiết	Thu vượt tiền sử dụng đất năm 2020	Thu vượt tiền sử dụng đất năm 2021	Thu vượt tiền sử dụng đất năm 2022	Thu vượt trong cân đối 2022		Cán đối ngân sách	Tiền sử dụng đất	Xổ số kiến thiết	Thu vượt tiền sử dụng đất năm 2020	Thu vượt tiền sử dụng đất năm 2021	Thu vượt tiền sử dụng đất năm 2022				Thu vượt trong cân đối 2022
V	Tòa án nhân dân tỉnh			48.900	8.900	-	-	-	-				-	8.900	-	8.900	-				-	-	8.900	
1	Xây dựng mới trụ sở làm việc Tòa án nhân dân thị xã Long Mỹ, tỉnh Hậu Giang	2025 - 2027	127/QĐ-TANDTC-KHTC, 05/05/2021	48.900	8.900	-								8.900		8.900							8.900	
VI	Sở Công Thương			2.000	2.000	-	-	-	-				-	2.000	2.000	-	-				-	-	2.000	
1	Xây dựng hệ thống thông tin chuyên đổi số ngành Công Thương	2023 - 2025	2102/QĐ-UBND, 07/12/2023	2.000	2.000									2.000	2.000								2.000	
**	Huyện quản lý			796.000	796.000	-	-	-	-				-	796.000	168.000	337.000	291.000				-	-	796.000	
1	UBND thành phố Vị Thanh			227.000	227.000	-	-	-	-				-	227.000	40.000	187.000	-				-	-	227.000	
1	Khu tái định cư phường IV, thành phố Vị Thanh	2024 - 2027	13/NQ-HĐND, 29/3/2024	227.000	227.000	-								227.000	40.000	187.000							227.000	
II	UBND thành phố Ngã Bảy			90.000	90.000	-	-	-	-				-	90.000	40.000	50.000	-				-	-	90.000	
1	Khu tái định cư thành phố Ngã Bảy giai đoạn 2	2024 - 2027	10/NQ-HĐND, 29/3/2024	90.000	90.000	-								90.000	40.000	50.000							90.000	
III	UBND huyện Châu Thành			441.000	441.000	-	-	-	-				-	441.000	50.000	100.000	291.000				-	-	441.000	
1	Khu tái định cư Đồng Phú 2	2024 - 2027	11/NQ-HĐND, 29/3/2024	441.000	441.000	-								441.000	50.000	100.000	291.000						441.000	
IV	UBND huyện Châu Thành A			38.000	38.000	-	-	-	-				-	38.000	38.000	-	-				-	-	38.000	
1	Tuyến đường và cầu Ba Láng nối Khu công nghiệp Tân Phú Thạnh	2024 - 2026	431/QĐ-UBND, 29/3/2024	38.000	38.000	-								38.000	38.000								38.000	
G	Phân bổ chi tiết vốn đối ứng các dự án xã hội hóa và các dự án phi Chính phủ nước ngoài (NGO)			7.224	3.209	-	-	-	-	-	-	-	-	3.209	-	-	3.209	-	-	-	-	-	3.209	
1	UBND thành phố Vị Thanh			577	288	-	-	-	-	-	-	-	-	288	-	-	288	-	-	-	-	-	288	
1	Cầu Vĩ Xuân (Xáng Hưu) Cầu VESAF 38, phường VII, thành phố Vị Thanh	2024	1599/QĐ-UBND, 20/9/2023	577	288									288			288						288	
II	UBND huyện Long Mỹ			275	137	-	-	-	-	-	-	-	-	137	-	-	137	-	-	-	-	-	137	
1	Hỗ trợ xây dựng 01 tuyến đường giao thông nông thôn	2023-2024	2088/QĐ-UBND, 04/12/2023	275	137									137			137						137	
III	UBND huyện Vị Thủy			1.990	805	-	-	-	-	-	-	-	-	805	-	-	805	-	-	-	-	-	805	
1	Xây dựng cầu Ô Bíp tại ấp 7, xã Vị Thủy, huyện Vị Thủy	2023-2024	1288/QĐ-UBND, 28/7/2023	903	262									262			262						262	
2	Hỗ trợ xây dựng 03 cầu giao thông nông thôn	2023-2024	2089/QĐ-UBND, 04/12/2023	1.087	543									543			543						543	
IV	UBND huyện Phụng Hiệp			4.382	1.979	-	-	-	-	-	-	-	-	1.979	-	-	1.979	-	-	-	-	-	1.979	
1	Hỗ trợ xây dựng 04 tuyến đường giao thông nông thôn	2023-2024	2292/QĐ-UBND, 29/12/2023	2.170	1.085									1.085			1.085						1.085	
2	Dự án hỗ trợ xây dựng 02 cầu giao thông nông thôn	2023-2024	1445/QĐ-UBND, 21/08/2023	580	290									290			290						290	
3	Dự án hỗ trợ xây dựng Trường Tiểu học Tân Long 2, điểm Phụng Sơn A, xã Tân Long, huyện Phụng Hiệp	2023-2024	1447/QĐ-UBND, 21/8/2023; 84/QĐ-UBND, 17/01/2024	1.632	604									604			604						604	

Phụ lục số II

ĐIỀU CHỈNH, BỔ SUNG KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG TRUNG HẠN GIAI ĐOẠN 2021 - 2025

(VỐN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI)

(Kèm theo Nghị quyết số 01/NQ-HĐND ngày 29 tháng 3 năm 2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh Hậu Giang)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Danh mục dự án	Thời gian bắt đầu	Thời gian kết thúc	Quyết định chủ trương đầu tư			Kế hoạch vốn đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025 đã giao		Kế hoạch vốn đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025 sau điều chỉnh, bổ sung		Tăng	Giảm	Ghi chú
				Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT		Tổng số	Trong đó:	Tổng số	Trong đó:			
					Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	CTMTQG		Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới		Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới			
	TỔNG CỘNG				8.500	8.500	8.500	8.500	8.500	8.500	6.000	6.000	
	UBND huyện Châu Thành				8.500	8.500	8.500	8.500	8.500	8.500	6.000	6.000	
	Dự án khởi công mới trong giai đoạn 2021 - 2025				8.500	8.500	8.500	8.500	8.500	8.500	6.000	6.000	
1	Trường Tiểu học Phú An	2024	2025	880/UBND-NCTH, 24/6/2022	2.500	2.500	8.500	8.500	2.500	2.500		6.000	Công văn số 269/UBND-NCTH, 04/03/2024
2	Trường Tiểu học Đồng Thạnh 1	2024	2025	269/UBND-NCTH, 04/03/2024	6.000	6.000			6.000	6.000	6.000		